BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN
TM94168: ĐỒ ÁN 1 - ĐỒ HỌA TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ
(PROJECT 1 - GRAPHICS IN URBAN DESIGN)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (Lý thuyết 0 – Thực hành 03)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Thuyết trình và thảo luận (seminar) trên lớp:
  + Thực hành/thực tập: 45 tiết
- Giờ tự học: 105 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Hệ thống thông tin Tài nguyên Môi trường.
  - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Học phần tiên quyết: TM94167: Đồ họa kiến trúc đại cương.
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
Kiến thức chuyên môn		
CĐR2: Áp dụng kiến thức chuyển đổi số, kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	2.1. Áp dụng kỹ thuật, công nghệ trong đo đạc, lập bản đồ phục vụ quy hoạch vùng và đô thị.	R
	2.2. Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xây dựng phương án quy hoạch.	M
Kỹ năng chung		

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.	R
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị.	R
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	7.2. Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát những người khác trong thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị	P
	7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	R

**** Mục tiêu:***

- Về kiến thức: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình ứng dụng đồ họa trong thiết kế đô thị; Ứng dụng phần mềm AutoCAD trong thiết kế đô thị qua việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến Quy hoạch vùng và đô thị;

- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng sử dụng thành thạo phần mềm đồ họa (AutoCAD) để triển khai và trình bày hồ sơ đồ án trong thiết kế đô thị phục vụ công tác quy hoạch vùng và đô thị.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học phần hình thành cho người học thái độ học tập nghiêm túc, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung, chịu trách nhiệm cá nhân và khả năng thích nghi với các môi trường làm việc trong kỷ nguyên số, từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng được khối kiến thức trong lĩnh vực công nghệ trong đo đạc, lập bản đồ phục vụ quy hoạch vùng và đô thị.	2.1. Áp dụng kỹ thuật, công nghệ trong đo đạc, lập bản đồ phục vụ quy hoạch vùng và đô thị.
K2	Áp dụng kiến thức chuyển đổi số, kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	2.2. Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xây dựng phương án quy hoạch.

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
K3	Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
Kỹ năng		
K4	Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.
K5	Sử dụng hiệu quả các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ; các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án thiết kế đô thị bằng phần mềm AutoCAD.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94168: Đồ án 1 - Đồ họa trong thiết kế đô thị (Project 1 - Graphics in Urban Design). (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lí thuyết 0 – Tổng số tín chỉ thực hành 03 – Tổng số giờ tự học 105 tiết).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm các nội dung cơ bản sau: Điều tra thu thập số liệu, tài liệu phục vụ cho công tác thiết kế đô thị; phân tích và đánh giá thực trạng các tiềm năng và nguồn lực phục vụ cho quá trình ứng dụng đồ họa trong thiết kế đô thị; Áp dụng phần mềm AutoCAD vào trong xây dựng và thiết kế các loại bản đồ chuyên đề trong phương án thiết kế đô thị; xây dựng các thuyết minh chuyên đề, báo cáo thuyết minh tổng hợp và các bản thiết kế của đồ án thiết kế đô thị.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

+ Thuyết giảng

+ Giảng dạy hướng dẫn thực hiện đồ án

+ Giảng dạy trực tuyến qua phần mềm MicroSoft Team

2. Phương pháp học tập

+ Nghe thuyết giảng;

+ Nghiên cứu đọc tài liệu;

+ Thực hành đồ án

+ Nghiên cứu đọc giáo trình, sách và phần mềm.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả học viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết.

- Chuẩn bị cho đồ án: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo và học phần mềm Autocad phục vụ cho đồ án.

- Thực hành đồ án: Tất cả học viên tham dự học phần này phải tham gia 100% giờ thực hành đồ án .Thực hành theo nhóm, nộp và bảo vệ sản phẩm theo quy định.

- Thuyết trình, bảo vệ đồ án: Tất cả sinh viên tham dự đầy đủ nội dung bảo vệ đồ án.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các hoạt động đánh giá nhân với trọng số tương ứng

- Điểm chuyên cần: 10%
- Đánh giá thường xuyên: 30%
- Đánh giá cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá chuyên cần	K1, K2, K3, K6	***10***	*Theo lịch của Học Viện*
Đánh giá thường xuyên		***30***	*Theo lịch của Học Viện*
Thực hiện project	K4, K5	100	
Đánh giá cuối kì		***60***	*Theo lịch của Học viện*
Bảo vệ đồ án project	K1, K2, K3	100	

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động giảng dạy	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Tham dự từ 90 - 100% số tiết học	Tham dự từ 70 - 80 % số tiết học	Tham dự từ 50 - 60% số tiết học	Tham dự dưới 50% tiết học

Rubric 2. Đánh giá thường xuyên (Thực hiện project)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5 – 10 điểm)	Khá (6,5 – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 – 6,4 điểm)	Kém (0 – 3,9 điểm)
Thái độ tham dự	10	Tích cực tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia nhưng không chú ý và chia sẻ trong quá trình thực hành	Không tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5 – 10 điểm)	Khá (6,5 – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 – 6,4 điểm)	Kém (0 – 3,9 điểm)
Kết quả thực hiện **project**	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một số sai sót.	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Sản phẩm **Project**	10	Sản phẩm trình bày đẹp, đúng quy phạm, đầy đủ thông tin	Sản phẩm trình bày đúng quy phạm, cơ bản đủ thông tin	Sản phẩm trình bày theo quy phạm, thiếu sót một số thông tin	Sản phẩm trình bày sai quy phạm, không đầy đủ thông tin
Khả năng làm việc nhóm	10	Khả năng làm việc nhóm tốt, tinh thần trách nhiệm cao	Khả năng làm việc nhóm phù hợp, có tinh thần trách nhiệm với công việc	Khả năng làm việc nhóm chưa cao, thiếu tự giác trong công việc	Không có khả năng làm việc nhóm

Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5 – 10 điểm)	Khá (6,5 – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 – 6,4 điểm)	Kém (0 – 3,9 điểm)
Thái độ tham gia	20	Luôn chú ý và tích cực, tập trung tham gia	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tập trung tham gia	Không chú ý/không tham gia
Bảo vệ đồ án, vấn đáp	80	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39% câu hỏi trên lớp

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp sản phẩm của đồ án: Tất cả các trường hợp không nộp sản phẩm của đồ án sẽ không được dự thi cuối kỳ.

Tham dự các hoạt động của đồ án: Không tham dự các hoạt động của đồ án sẽ không được dự thi cuối kỳ.

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực, tuân thủ quy định phòng thực hành, có trách nhiệm thực hiện các công việc được nhóm phân công, có tinh thần cầu thị và yêu ngành, yêu nghề trong suốt quá trình học.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:***

1. Phạm Văn Vân (2025). Hướng dẫn Đồ án – Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị

2. Nguyễn Đức Thuận (2022). Bài giảng Đồ họa ứng dụng

**** Tài liệu tham khảo khác:*** *George Omura with Brian C. Benton (2016), Mastering AutoCAD 2016 and AutoCAD LT 2016.*

IX. Nội dung chi tiết của học phần

1. Lý do lựa chọn chủ đề/nội dung thực hiện đồ án

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ cả ở đô thị và nông thôn, cùng với những thành công đã đạt được trong quá trình xây dựng trong cả nước như hiện nay nhưng bên cạnh đó vẫn còn các điểm truungx trong quá trình úng dụng Đồ họa trong thiết kế đô thị. Cho nên, giảng dạy đồ án Đồ họa trong thiêt kế đô thị cho sinh viên ngành quy hoạch vùng và phát triển đô thị là yêu cầu cấp thiết và mang tính chiến lược. Học phần này là mảnh ghép không thể thiếu, giúp sinh viên ngành quy hoạch vùng và đô thị chuyển hóa tư duy từ các kiến thức lý thuyết sang thực tiễn trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình chuyển đổi số như hiện nay; từ học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng lập và tổ chức thiết kế một đồ án đô thị trong quy hoạch vùng và phát triển đô thị bằng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó giúp công tác quy hoạch và quản lý tương lai giải quyết hiệu quả bài toán tổ chức thiết kế đô thị.

2. Mô tả chung về đồ án:

Các chủ đề của đồ họa trong thiết kế đô thị:

Chủ đề 1 - Quy hoạch không gian và sử dụng đất: Lập bản đồ địa chính, vẽ tổng mặt bằng quy hoạch khu dân cư, đô thị, công viên và các công trình công cộng.

Chủ đề 2 - Thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật: AutoCAD Civil 3D hỗ trợ thiết kế tuyến đường, nút giao thông, hệ thống cấp thoát nước, mô phỏng luồng giao thông, vỉa hè và hệ thống điện đô thị.

Chủ đề 3 - Cảnh quan và hạ tầng công cộng: Thiết kế chi tiết công viên, quảng trường, hệ thống chiếu sáng đô thị, bến cảng.

Chủ đề 4 - Mô phỏng cảnh quan: Xây dựng cảnh quan sân vườn, tiểu cảnh, và không gian công cộng.

Chủ đề 5 - Quản lý dữ liệu (GIS): Tích hợp, chuyển đổi và xử lý dữ liệu địa lý, bản đồ số, tạo cơ sở dữ liệu hạ tầng đồng bộ.

- Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm theo từng chủ đề: sinh viên phải hoàn thiện sản phẩm của đồ án theo từng buổi thực hành đã được xây dựng, các sản phẩm phải đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của giáo viên hướng dẫn.

3. Tổ chức thực hiện đồ án:

- Số lượng học viên/nhóm: 3-5
- Thời gian thực hiện: 45 tiết
- Các giai đoạn của project:

+ Giai đoạn 1: Hướng dẫn xây dựng đồ án (Giảng viên phụ trách học phần hướng dẫn chi tiết từng chủ đề project, các nội dung theo từng chủ đề, kết quả của từng chủ đề, hướng nghiên cứu của từng chủ đề và giao cho sinh viên lựa chọn chủ đề phù hợp theo khả năng từng sinh viên).

+ Giai đoạn 2: Xây dựng, bảo vệ đề cương đồ án (Sinh viên nghiên cứu tài liệu, xây dựng đề cương chi tiết từng nội dung thực hiện theo từng chủ đề, ghi chi tiết sản phẩm của từng chủ đề và bảo vệ đề cương đồ án theo kế hoạch).

+ Giai đoạn 3: Thực hiện đồ án (Sinh viên triển khai thực hiện dự án theo chủ đề đã lựa chọn, nội dung, sản phẩm kết quả thực hiện theo đúng quy định của từng chủ đề, đúng thời gian quy định và đúng theo hướng dẫn của giảng viên).

+ Giai đoạn 4: Báo cáo, tổng kết đồ án (sinh viên và nhóm nghiên cứu báo cáo, thuyết trình kết quả thực hiện đồ án theo kế hoạch, giao nộp sản phẩm đồ án).

- Địa điểm thực hiện đồ án: Phòng Thực hành – Khoa Tài nguyên và Môi trường

4. Nội dung và kế hoạch chi tiết

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
1	**Xây dựng kế hoạch đồ án**			
	***A/* Nội dung thực hiện:** (5 tiết) - Giảng viên hướng dẫn xây dựng đề cương đồ án theo từng chủ đề - Thành lập nhóm - Giao chủ đề cho học viên và tìm ý tưởng cho đồ án - Thảo luận với giáo viên hướng dẫn để xây dựng đề cương đồ án	- Chia nhóm sinh viên (3 - 5 sinh viên/nhóm) - Hướng dẫn trực tiếp, phương pháp lựa chọn chủ đề	Chủ đề lựa chọn phù hợp với môn học	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: *(7.5 tiết)* Tìm hiểu các tài liệu liên quan và hỗ trợ cho quá trình hoàn thiện đồ án quy hoạch chung	Sinh viên tự tìm kiếm và nghiên cứu các tài liệu đã tìm được.		K6
2-3	**Bảo vệ đề cương đồ án**			
	***A/* Các nội dung thực hiện:** *(10 tiết)* - Tổ chức bảo vệ đề cương - Sinh viên cử đại diện nhóm báo cáo bằng *Powerpoint* - Chỉnh sửa đề cương - Nộp đề cương đồ án	- Thảo luận với các nhóm sinh viên hướng dẫn để hoàn thiện đề cương và các chuyên đề của đồ án. - Hướng dẫn viết đề cương chi tiết	Cấu trúc đề cương đúng quy định	K1, K2, K3
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(15 tiết)* Tổng hợp các thông tin, viết đề cương; viết Powerpoint bài trình bày. - Ghi chép nhật ký thực hiện			K6
4-8	**Thực hiện đồ án**			
	***A/* Các nội dung thực hiện:** *(25 tiết)* - Nghiên cứu phần mềm và tiến hành tổ chức thực hiện các nội dung đồ án theo chủ đề đã chọn. - Lập kế hoạch chi tiết cho quá trình thực hiện đồ án. - Điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết; - Báo cáo tiến độ (2 tuần/ lần). - 01 báo cáo giữa kỳ. - Thực hiện các nội dung của đồ án	- Giảng viên giới thiệu về cách thức thu thập số liệu và các phương pháp xử lý số liệu sau thu thập. - Thảo luận với giáo viên hướng dẫn về mức độ chi tiết, đầy đủ của các loại số liệu được giao cho nhóm.	Sản phẩm đảm bảo đúng quy định	K4, K5
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(75 tiết)* - Nghiên cứu tài liệu và phần mềm thực hiện các nội dung đồ án. - Ghi chép nhật ký thực hiện			K6

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
9	**Nộp báo cáo và tổng kết đồ án**			
	***A/* Các nội dung thực hiện:** *(5 tiết)* - Biên tập bản đồ hiện trạng đất đai địa bàn nghiên cứu. - Biên tập các bản đồ chuyên đề thể hiện phân bố cơ sở hạ tầng. - Biên tập bản đồ chuyên đề thể hiện phân bố dân cư.	Giảng viên thuyết trình và hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật thành lập các loại bản đồ trên nền tảng AutoCAD	Đánh giá thường xuyên theo rubric	K4, K5
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(7.5 tiết)* Viết báo cáo tổng kết; Ghi chép nhật ký thực hiện			K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực hành sạch sẽ, đủ chỗ cho sinh viên. Phòng thực hành tối thiểu có 25 máy tính cho 01 nhóm sinh viên thực tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- E- learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams…), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Hệ thống LMS

Hà Nội, ngày..15..tháng ..12..năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
PGS.TS. Trần Quốc Vinh	**GVC.TS. Phạm Văn Vân**
TRƯỞNG KHOA	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. Trần Trọng Phương	**GS. TS. Phạm Văn Cường**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Văn Vân	Học hàm, học vị: GVC. TS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0966868938
Email: phamvan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Phạm Văn Vân	Học hàm, học vị: GVC. TS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0966868938
Email: phamvan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Họ và tên: Trần Quốc Vinh	Học hàm, học vị: PGS, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906869368
Email:tqvinh@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Họ và tên: Nguyễn Đức Thuận	Học hàm, học vị: GVC. Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0973117180
Email:nguyenducthuan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email; điện thoại, gặp trực tiếp	

Họ và tên: Lê Thị Giang	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906190175
Email: lethigiang@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

Họ và Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0983335977
Email: nttha.cnmt1@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

Họ và Họ và tên : Đoàn Thanh Thủy	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0987409045
Email: doanthanhthuy@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

1. Lần đầu 2025: Xây dựng đề cương